

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 372 /2022/HSPT

Ngày: 24/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Nam

Ông Nguyễn Hải Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Q, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1051/2021/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Lê V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Lê V**; tên gọi khác: không; sinh ngày 19 tháng 5 năm 1977 tại Đ, Q; nơi cư trú: thôn ĐT, xã HP, thị xã Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê N và bà: Nguyễn T; vợ là: Cao C, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt truy nã ngày 22/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Vũ N, Luật sư Công ty Luật 2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: tổ 18, khu 3, phường TV, thành phố U, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản bào chữa cho bị cáo.

**** Người bị hại có kháng cáo:*** Ông Trần M, sinh năm 1957; nơi cư trú: tổ 3, khu 1, phường MK, thị xã Đ, tỉnh Q; có mặt.

**** Người bị hại không kháng cáo:*** Ông Nguyễn T, sinh năm 1957; nơi cư trú: tổ 2, phố S, xã T1, thành phố H, tỉnh H; vắng mặt.

**** Người làm chứng Tòa án không triệu tập:*** Ông Nguyễn V, ông Trần N, bà Nguyễn T, ông Nguyễn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2014, Lê V có các hành vi phạm tội cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 17/12/2013, Lê V cùng một người đàn ông đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade (không xác định được biển kiểm soát) vào khu vực đầm thuộc khu G, phường Y, thành phố U thì gặp anh Vũ Q, trú tại tổ 16, khu 7, phường Y, thành phố U, tỉnh Q. V nói muốn thuê đất làm đầm nuôi trồng thủy sản và hỏi anh Q về việc thuê nhà ở cho công nhân. Anh Q dẫn V và người đàn ông đến nhà vợ chồng ông Bùi Ch và bà Lê Th, trú tại tổ 21, khu G, phường Y để hỏi thuê nhà. Khi gặp ông Ch, bà Th, người đi cùng V giới thiệu tên là “Mạnh” và hỏi thuê căn nhà cấp 4 của bà Th đang bỏ không. Sau khi thỏa thuận giá 600.000đ/tháng, ông Ch dẫn V và “Mạnh” ra căn nhà ở tổ 22, khu G và giao chìa khóa nhà.

Cùng ngày 17/12/2013, ông Trần M, trú tại khu VT, thị trấn MK, huyện Đ (nay là phường MK, thị xã Đ) có máy xúc nhãn hiệu KOMATSU PC120-6E nhận được điện thoại di động của một người đàn ông xưng tên là “Mạnh” đặt vấn đề thuê máy xúc để làm đầm nuôi trồng thủy sản và hẹn ông M xuống thành phố U để xem địa điểm. Ngày 18/12/2013, ông M cùng vợ là Trần P và anh Nguyễn MK (lái máy xúc) xuống thành phố U. Khi đến nơi, ông M điện thoại cho “Mạnh” thì “Mạnh” nói bảo cháu của “Mạnh” ra đón. Tại khu vực phường Y, thành phố U, Lê V đã ra gặp ông M và giới thiệu là cháu “Mạnh” nhưng không xưng tên thật. Sau đó, V dẫn ông M, bà P và anh MK đến khu vực đầm G, phường Y, thành phố U giới thiệu đó là khu vực V sẽ làm đầm. Sau khi xem xong, ông M gọi điện thỏa thuận, thống nhất với Mạnh sẽ đưa máy xúc đến vào ngày 19/12/2013.

Khoảng 12h ngày 19/12/2013, ông M chở máy xúc xuống khu G, phường Y, cùng đi có anh Nguyễn Ph (lái máy xúc). Khi đến thành phố U, V đón dẫn xe chở máy xúc đến nhà thuê của ông Ch, bà Th. Tại đây, ông M gọi điện cho “Mạnh” thống nhất giá thuê máy xúc và V đưa tiền tạm ứng 5.000.000đ cho ông M, hẹn ngày hôm sau xuống khởi công. Sau đó, ông M và anh Ph đi về MK, giao máy xúc cho V trông. Khoảng 18h cùng ngày, khi anh Vũ Q đi qua căn nhà bà Th cho thuê thì thấy V vẫn đang đứng gọi điện thoại trước cửa nhà, bên cạnh có máy xúc, ngay sau đó có 01 xe ô tô đến trở máy xúc của ông M đi. Sáng ngày 20/12/2013, ông M gọi thì “Mạnh” hẹn buổi chiều khởi công. Đến chiều cùng ngày, ông M gọi điện cho “Mạnh” nhưng không nghe máy, ông M xuống chỗ để máy xúc thì không thấy máy xúc nên trình báo Công an thành phố U.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 25/12/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố U xác định: Xe đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU PC120-6E của ông Trần M trị giá 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Vụ thứ hai: Ngày 04/11/2014, có hai người đàn ông đi xe máy đến nhà bà Nguyễn TT, trú tại tổ 1, khu 1, phường BS, thành phố U, một người giới thiệu tên “Thịnh”, trực tiếp đặt vấn đề thuê căn nhà cấp 4 của bà TT đang cho công nhân ở nhờ, bà TT đồng ý cho thuê với giá là 1.000.000đ/tháng. Sáng ngày 11/11/2014, “Thịnh” lấy chìa khóa nhà cho công nhân.

Cũng trong đầu tháng 11/2014, ông Nguyễn T, trú tại phường PL, thành phố H, tỉnh H nhận được điện thoại của một người đàn ông tên “Thịnh” giới thiệu làm tại Công ty DB hỏi thuê máy xúc làm ở mỏ VD, thành phố U, tỉnh Q. Sau khi thỏa thuận, ông T và “Thịnh” thống nhất đưa máy xúc đến thành phố U làm hợp đồng. Ngày 11/11/2014, ông T thuê xe ô tô chở máy xúc nhãn hiệu KOBELCO SK200 đến thành phố U.

Khoảng 08h ngày 12/11/2014, xe ô tô chở máy xúc của ông T đến khu vực nhà máy nhiệt điện U thì Lê V cùng một người đàn ông ra đi hai xe mô tô, một xe nhãn hiệu Hon da Airblade, một xe nhãn hiệu Wave (không xác định biển kiểm soát) dẫn vào nhà thuê của bà Thi để máy xúc. Sau khi đưa máy xúc xuống sân nhà, ông T đi có việc, còn V nói dối tên là “Cường” rủ anh Tg đi ăn sáng, mua chăn màn rồi quay về dọn dẹp, ăn trưa... Đến khoảng 15h cùng ngày, ông T quay lại gọi điện cho “Thịnh”, thì “Thịnh” nói chưa làm và hẹn ông T ngày 14/11/2014 ký hợp đồng tại Hà Nội. Ông T đồng ý và bảo anh Tg đi cùng về nhà lấy quần áo, giao máy xúc và chìa khóa máy xúc cho V trông. Khoảng 20h cùng ngày, bà TT đi tập thể dục về sang khu nhà cho thuê dọn cát ở sân rồi về đi ngủ. Khoảng 18h ngày 13/11/2014, khi bà TT về đến nhà thì thấy có ô tô chở máy xúc của ông T đi.

Ngày 14/11/2014, ông T gọi điện cho “Thịnh” để ký hợp đồng nhưng “Thịnh” đưa ra nhiều lý do không gặp được ông T và bảo ông T xuống thành phố U, tỉnh Q ký hợp đồng. Khi ông T đến nhà bà TT thì không thấy máy xúc đâu nên trình báo Công an thành phố U.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 11/12/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố U xác định 01 xe đào bánh xích, nhãn hiệu KOBELCO - SK200 của ông Nguyễn T có giá trị là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Đầu năm 2015, khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập, V trốn tránh không hợp tác, sau đó bỏ trốn. Đến ngày 22/10/2020, V bị bắt bắt truy nã khi đang trốn tại huyện V, tỉnh ĐN.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Q đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê V phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Lê V 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 22/10/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/8/2021, bị cáo Lê V làm đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/10/2021, người bị hại là ông Trần M làm đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu tăng hình phạt do bị cáo phạm tội nhiều lần, sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị bắt truy nã, việc bồi thường là quá ít so với thiệt hại gây ra.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Lê V giữ nguyên đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đã nhờ gia đình bồi thường thêm cho người bị hại là ông Nguyễn T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và bồi thường thêm cho người bị hại là ông Trần M 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Q.

- Ông Lê N (bố của bị cáo) nộp 01 đơn xin giảm nhẹ hình phạt do ông Nguyễn T viết và 01 Biên lai thu tiền số 0008724, ngày 23/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Q cho Hội đồng xét xử.

- Người bị hại là ông Trần M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Bồ đề của bị cáo Lê V là ông Lê N đề nghị Hội đồng xét xử cho tạm ngừng phiên toà để thoả thuận bồi thường dân sự với ông Trần M.

- Hết thời gian tạm ngừng phiên toà, người bị hại là ông Trần M trình bày ý kiến: Ông cùng với bị cáo và bố bị cáo là ông Trần N đã thoả thuận, lập bằng văn bản thống nhất gia đình bị cáo bồi thường cho ông tổng số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Q, 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gia đình bị cáo sẽ bồi thường trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hôm nay (24/5/2022). Vì vậy, ông thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù và đề nghị ghi nhận sự thoả thuận bồi thường dân sự của các bên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích, nội dung và các tình tiết của vụ án có quan điểm:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã Chhánh đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị cáo và người bị hại là trong hạn và đúng quy định pháp luật nên đề nghị chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà, người bị hại là ông Trần M thay đổi nội dung kháng cáo, xét thấy việc thay đổi nội dung kháng cáo của người bị hại là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

+ Về nội dung:

Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận bị cấp sơ thẩm xét xử là đúng, không oan. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn

cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã phân tích và nhận định. Gia đình bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ đã nộp thêm tiền bồi thường dân sự cho 02 người bị hại trong vụ án. Người bị hại là ông Nguyễn T có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người bị hại là ông Trần M đã thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại là ông Trần M, bị cáo và ông Lê N (bố của bị cáo) đã thỏa thuận mức và thời hạn bồi thường nên đề nghị chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại là ông Trần M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo ở đầu khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 và ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo, ông Lê N và ông Trần M.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê V thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp khách quan với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Trong các ngày từ ngày 17 đến ngày 19/12/2013 và từ ngày 11 đến ngày 13/11/2014, Lê V cùng với một người (bị cáo khai là Nguyễn Văn H, hiện nay đã chết) có hành vi giả vờ có hợp đồng làm việc, cần thuê máy xúc và gọi điện thuê máy xúc của các chủ máy xúc và yêu cầu chủ máy xúc đưa máy xúc đến thành phố U, tỉnh Q; sau khi nhận được máy xúc đã nói dối là chưa có việc làm ngay để các chủ máy xúc giao máy xúc cho bị cáo V trông giữ, sau đó chiếm đoạt máy xúc của họ bằng việc bán đi. Bằng các thủ đoạn đó, V và người đàn ông bị cáo khai tên “H” đã thực hiện 02 hành vi phạm tội; chiếm đoạt của ông Trần M 01 máy xúc KOMATSU PC120-6E trị giá 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và chiếm đoạt của ông của ông Nguyễn T 01 máy xúc KOBELCO - SK 200 trị giá 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng); tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện tại thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật, tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Điều luật về tội danh áp dụng đối với bị cáo theo Bộ luật Hình sự năm 1999 là nhẹ hơn.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo theo hướng có lợi cho bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và người bị hại là ông Trần M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, phạm tội nhiều lần, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trị an nên cần xử phạt nghiêm minh. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức; bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận các hành vi phạm tội; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động nhờ gia đình bồi thường thêm cho người bị hại là ông Nguyễn T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và người bị hại là ông Trần M số tiền 20.000.000 đồng là đã thể hiện sự ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Tại phiên toà, người bị hại là ông Trần M thay đổi nội dung kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xét thấy nội dung thay đổi kháng cáo của ông M là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Người bị hại là ông Nguyễn T vắng mặt, không kháng cáo nhưng có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị của những người bị hại trong vụ án, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người bị hại là ông Trần M, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo và người bị hại là ông Trần M đề nghị xem xét, xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù nhưng xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt liên hệ quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên toà là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo và những người bị hại không kháng cáo nhưng tại phiên toà bị cáo, bố của bị cáo là ông Lê N và người bị hại là ông Trần M đã thoả thuận, lập bằng văn bản thống nhất gia đình bị cáo bồi thường cho ông Trần M tổng số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Q, 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gia đình bị cáo sẽ bồi thường trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hôm nay (24/5/2022). Xét thấy đây sự thoả thuận của các bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận, ghi nhận sự thoả thuận bồi thường dân sự của các bên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên toà.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo và người bị hại là ông Trần M về phần hình sự được chấp nhận nên bị cáo và ông Trần M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê V và người bị hại là ông Trần M; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Q, cụ thể như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Lê V phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê V 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 22/10/2020.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo Lê V, ông Lê N (bố bị cáo) và người bị hại là ông Trần M: “Tôi và gia đình bị hại có thoả thuận với nhau gia đình bị cáo bồi thường cho tôi tổng số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp tại Thi hành án, 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gia đình sẽ bồi thường cho tôi trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hôm nay”.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Lê V và người bị hại là ông Trần M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- CA tỉnh Q;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu HSVA, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn T Dũng